

ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC CỦA NHÂN TỐ CẢM XÚC ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC NGOẠI NGỮ VÀ CÁCH KHẮC PHỤC

Trần Thị Kim Loan*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 28 tháng 10 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 16 tháng 01 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 31 tháng 01 năm 2018

Tóm tắt: Thông qua phương pháp khảo sát 36 giáo viên và 67 học sinh học tiếng Hán ở Đài Loan bằng bảng hỏi, chúng tôi tìm hiểu ảnh hưởng tiêu cực của nhân tố cảm xúc (affective factors) đối với người học trong quá trình tiếp nhận ngôn ngữ. Kết quả khảo sát cho thấy yếu tố cảm xúc có ảnh hưởng tiêu cực đối với người học ngoại ngữ ở các mức độ khác nhau, trong đó kỹ năng nói và viết bị ảnh hưởng nhiều hơn kỹ năng nghe và đọc; học sinh phương Đông dễ bị ảnh hưởng hơn học sinh phương Tây; giáo viên đóng một vai trò quan trọng nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của nhân tố này đối với người học. Việc xây dựng động cơ học tập đúng đắn, giảm bớt áp lực trong thi cử, xây dựng môi trường học tập thân thiện, kiến tạo mối quan hệ học tập có tính cạnh tranh cao, v.v.. sẽ giúp học sinh tránh được những ảnh hưởng tiêu cực do nhân tố cảm xúc mang lại, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng dạy học ngoại ngữ.

Từ khóa: nhân tố cảm xúc, giảng dạy ngoại ngữ, ảnh hưởng

1. Nhân tố cảm xúc (affective factors)

Quá trình tiếp nhận ngôn ngữ là một quá trình phức tạp bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau như điều kiện học tập, thời gian học tập, chương trình học tập, vai trò người giáo viên trên lớp và vai trò người học. Các nghiên cứu về vai trò người học thường đề cập đến các vấn đề như độ tuổi thích hợp học ngoại ngữ, thái độ học tập, động cơ học tập, phương pháp học tập và yếu tố cảm xúc. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy ngoại ngữ, rất nhiều học giả đã tập trung vào nghiên cứu sự khác biệt trong việc thụ đắc ngôn ngữ thứ nhất và học ngôn ngữ thứ hai. Họ muốn có câu trả lời cho việc tại sao trẻ nhỏ lại rất thành công trong việc thụ đắc ngôn ngữ hơn người trưởng thành trong khi người trưởng thành có đầy đủ cơ sở lý luận, phương pháp khoa học và nguồn tài liệu hỗ trợ dồi dào. Có thể thấy, sự tiếp nhận ngôn ngữ thứ nhất ở trẻ nhỏ là một quá trình rất tự nhiên, không bị

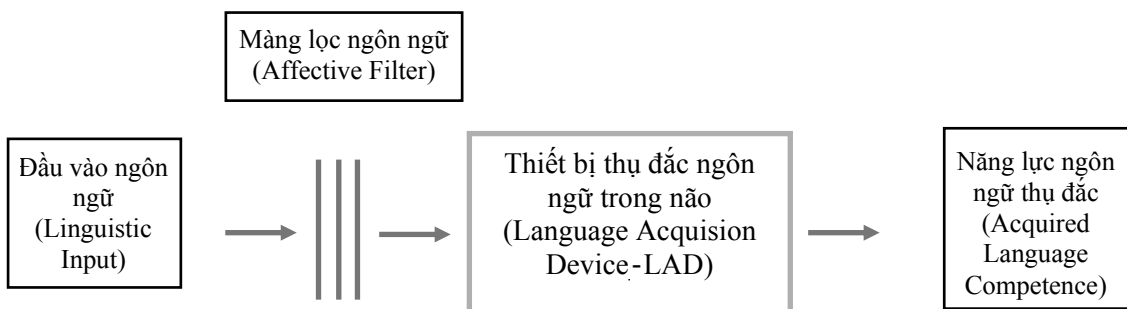
“ép buộc” hay “cưỡng chế”. “Khi người học là một chủ thể đã trưởng thành về mặt não bộ, tư duy thì ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc là rào cản khiến cho quá trình tiếp nhận tri thức trở nên khó khăn và chậm hơn. Những yếu tố tâm lý này chính là rào cản ngăn chặn quá trình tiếp nhận ngôn ngữ được tiến hành và khiến cho việc tiếp nhận ngôn ngữ của họ thiếu đi tính linh hoạt, sáng tạo” (戴曼纯, 2000) (Dai Manchun).

Vào những năm 60 của thế kỷ 20, cùng với sự phát triển của tâm lý học chủ nghĩa nhân bản, yếu tố cảm xúc của người học càng được chú ý hơn. Nhiều học giả và các nhà nghiên cứu nhấn mạnh sự ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc đến việc học ngôn ngữ (Goleman, 1995; 李哲, 2000 (Li Zhe); 项茂英, 2003 (Xiang Maoying)). Một số phương pháp dạy học như “Cách dạy im lặng” (Silent way), “Học ngôn ngữ thông qua giao tiếp” (Communicative language learning CLL) v.v... đều tuân thủ nguyên tắc giáo dục chủ nghĩa nhân bản, coi trọng nhân tố cảm xúc trong việc học ngôn ngữ.

* ĐT.: 84-985617266

Email: kimloantw@gmail.com

Năm 1982, Krashen nêu “Giả thuyết màng lọc cảm xúc” (The Affective Filter Hypothesis). Krashen (1982) cho rằng, màng lọc cảm xúc sẽ điều chỉnh lượng ngôn ngữ đầu vào cho các quá trình xử lý tiếp theo của não bộ. Màng lọc này là một phần của hệ xử lý trí não, nó lọc ngôn ngữ đầu vào một cách vô thức dựa trên các yếu tố tình cảm như động cơ học tập, nhu cầu học tập, thái độ học tập và trạng thái cảm xúc của con người. Nếu như người học có những nhân tố cảm xúc có lợi như động cơ học tập tích cực (high motivation) hoặc có sự tự tin (self-confidence) v.v... thì quá trình tiếp nhận tri thức sẽ được tiến hành thuận lợi. Ngược lại, khi người học có nhân tố cảm xúc tiêu cực như động cơ học tập thấp (low motivation), lo lắng (anxiety), sợ hãi (fear), thiếu tự tin, v.v... thì sẽ tạo ra một khối chắn không cho phép lưu lượng ngôn ngữ thâm nhập một cách đầy đủ cho não bộ xử lý, cũng có nghĩa ngăn ngừa ngôn ngữ đầu vào (input) tiến sâu vào não bộ. Có thể thấy, Krashen đặc biệt chú trọng đến mối quan hệ mật thiết giữa nhân tố cảm xúc và sự thành công của việc học ngoại ngữ (tham khảo sơ đồ dưới đây).



Krashen với “Giả thuyết màng lọc cảm xúc” đã chỉ ra những yếu tố thuộc về tâm lý có ảnh hưởng lớn đối với người học khi tiếp nhận ngôn ngữ và thấm thấu nó cho quá trình vận hành ngôn ngữ của trí não. Điều này lý giải cho việc cùng một môi trường học, cùng lượng ngôn ngữ đầu vào nhưng kết quả học tập lại khác nhau. Cùng quan điểm với Krashen, Goleman (1995) cho rằng, nếu như chúng ta chỉ coi trọng khả năng

tri nhận của não bộ mà coi nhẹ sự phát triển của các yếu tố phi lý tính thì sẽ tạo ra sự “trống rỗng cảm xúc” (emotional illiteracy). Cũng giống Goleman (1995), 李哲 (2000) khẳng định: “con người là một động vật có cảm xúc; nhân tố cảm xúc ở đây bao gồm sự lo lắng (anxiety), đồng cảm (empathy), hướng ngoại (extroversion), v.v... Những ảnh hưởng này đã tác động trực tiếp lên quá trình tiếp nhận ngôn ngữ của người học”. Yếu tố lo lắng có ảnh hưởng tới quá trình tiếp thu ngôn ngữ, bởi nó có thể làm người ta giảm sự tự tin vào chính mình và do đó sẽ không dám mạo hiểm. Còn yếu tố đồng cảm, theo Brown (1994: 143), là một quá trình đặt mình vào vị trí người khác, hiểu và cảm nhận cái mà người khác hiểu và cảm nhận. Ngôn ngữ là công cụ thực hiện giao tiếp mà trong những cuộc giao tiếp ấy người ta cần phải đặt mình vào vị trí người mà mình đang tiếp xúc để cảm nhận, để hiểu họ và để tiếp nhận thông điệp được gửi đến một cách rõ ràng. Về yếu tố hướng ngoại, Brown (1994: 146) cho rằng, người có tính cách hướng ngoại là người có nhu cầu tiếp nhận sự khích lệ của cái tôi, sự tự trọng và tình cảm của người khác. Người có tính hướng ngoại thường

tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, thích được thể hiện mình và được khẳng định. Đây cũng là yếu tố quan trọng giúp người học ngoại ngữ thành công hơn.

2. Nội dung chính

2.1. Nội dung nghiên cứu

Nội dung chính của nghiên cứu này là bước đầu tìm hiểu ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc đối với việc học tiếng Hán của học sinh đang theo

học các lớp ngôn ngữ tại Đài Loan. Nhân tố cảm xúc ở đây bao gồm những yếu tố chủ quan như lo lắng trong học tập, thái độ, động cơ học tập và một số yếu tố khách quan như môi trường học, sự tương tác giữa người học và người dạy trên lớp v.v... Trên cơ sở đó, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị trong dạy học nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của yếu tố này đối với học sinh trong quá trình học ngoại ngữ/ngôn ngữ thứ hai.

2.2. Giả thuyết nghiên cứu

Để có thể giải quyết được các vấn đề nêu trên, chúng tôi đưa ra một số giả thuyết nghiên cứu sau:

- *Thứ nhất*, nhân tố cảm xúc có ảnh hưởng lớn đến quá trình tiếp nhận và biểu đạt ngôn ngữ thứ hai của người học.
- *Thứ hai*, nhân tố cảm xúc có một phần là do nguyên nhân khách quan, nhưng cũng có một phần là do nguyên nhân chủ quan của người học, học sinh phương Đông dễ bị ảnh hưởng bởi yếu tố này hơn học sinh phương Tây.
- *Thứ ba*, trong quá trình tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai, người học cho dù là nam hay nữ thì đều bị ảnh hưởng của các nhân tố cảm xúc, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không giống nhau, học sinh nữ thường bị ảnh hưởng nhiều hơn học sinh nam.
- *Thứ tư*, giáo viên đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm bớt ảnh hưởng tiêu cực của nhân tố cảm xúc tới người học.

2.3. Đối tượng khảo sát

Đối tượng tham gia khảo sát chia thành hai nhóm:

Nhóm 1: Giáo viên dạy tiếng Hán tại Trung tâm Quốc ngữ (Trường Đại học Sư phạm Đài Loan);

Nhóm 2: Học sinh học tiếng Hán tại Trung tâm Quốc ngữ (Trường Đại học Sư phạm Đài Loan và Trường Đại học Văn hóa Đài Loan).

2.4. Thiết kế Phiếu khảo sát

Phiếu khảo sát dành cho giáo viên giảng dạy tiếng Hán được thiết kế với 50 câu hỏi

chia làm ba nội dung chính:

Phần 1: Thông tin cá nhân của đối tượng tham gia khảo sát;

Phần 2: Nhân tố cảm xúc nào có ảnh hưởng đến không khí học tập trên lớp của học sinh và mức độ ảnh hưởng của nó như thế nào;

Phần 3: Đối với những học sinh bị ảnh hưởng bởi nhân tố cảm xúc, giáo viên có những biện pháp gì hỗ trợ các em giảm bớt tiêu cực của nhân tố cảm xúc.

Trong 3 nội dung nêu trên, trọng tâm của nghiên cứu tập trung vào phần 2 và phần 3. Sau khi thiết kế xong phiếu khảo sát, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát trong thời gian ngắn. Đối tượng khảo sát là giáo viên dạy tiếng Hán tại Trung tâm quốc ngữ của trường Đại học Sư phạm Đài Loan. Sau 3 ngày kể từ khi phát phiếu khảo sát, chúng tôi thu lại phiếu, sàng lọc bớt các phiếu thông tin không đầy đủ, sau đó sử dụng phần mềm thống kê SPSS 20.0 xử lý số liệu khảo sát vừa thu được.

Phiếu khảo sát dành cho học sinh cũng dựa trên cơ sở phiếu khảo sát của giáo viên và có sự thay đổi chút ít cho phù hợp với nhóm đối tượng học sinh. Phương thức khảo sát và xử lý thông tin giống như phần khảo sát giáo viên.

2.5. Kết quả khảo sát

Nhóm nghiên cứu chúng tôi phát ra 36 phiếu khảo sát cho giáo viên, thu về 32 phiếu (tỉ lệ 88.8%). Sau khi sàng lọc, chúng tôi quyết định loại bỏ 2 phiếu khảo sát thu được rất ít thông tin, phân tích kết quả dựa trên 30 phiếu khảo sát có tỉ lệ trả lời cao còn lại.

Đối với nhóm học sinh học tiếng Hán, chúng tôi phát ra 67 phiếu khảo sát, chủ yếu tập trung ở trình độ sơ trung cấp, kết quả thu được 54 phiếu (tỉ lệ 80%).

Sau đây là một số kết quả khảo sát mà chúng tôi thu được:

2.5.1. Kết quả khảo sát giáo viên dạy tiếng Hán

Thông tin cá nhân của giáo viên tham gia khảo sát

Kết quả khảo sát cho thấy, toàn bộ giáo viên tham gia khảo sát đều là nữ với trình độ học vấn từ thạc sĩ trở lên, trong đó giáo viên có thời gian giảng dạy 20-30 năm chiếm tới 40%, 5-10 năm chiếm 30%. Trên 80% giáo viên đều đã từng học từ 2 đến 3 ngoại ngữ. Có thể nói, kinh nghiệm học một ngôn ngữ mới của họ rất phong phú. Trong số giáo viên tham gia khảo sát, 60% giáo viên biểu thị mình rất yêu thích công việc dạy tiếng Hán, có 70% giáo viên đã từng học qua khóa học về tâm lý học, 30% giáo viên tuy chưa từng học nhưng ít nhiều đều đọc qua những tài liệu liên quan đến tâm lý người học và các phương pháp dạy học. Việc tham gia hoặc có sự tìm hiểu về tâm lý người học sẽ hỗ trợ cho giáo viên xử lý những vấn đề liên quan đến nhân tố cảm xúc của học sinh ở trên lớp được tốt hơn.

Sự ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc đối với người học ngoại ngữ/ngôn ngữ thứ hai

Kết quả khảo sát cho thấy, 93% giáo viên đều khẳng định sự ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc đối với học sinh, trong đó ảnh hưởng nhiều nhất là sự lo lắng (66,7%), tiếp đến là tính cách người học (60%), động cơ người học không ảnh hưởng quá nhiều đến tâm lý học tập của học sinh (16,7%) (tham khảo bảng 1). Trong đó, sự lo lắng trong học tập của các em thể hiện ở lo lắng trong giao tiếp, lo lắng trong thi cử và lo lắng về việc học trên lớp.

Bảng 1. Kết quả khảo sát giáo viên tiếng Hán về ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Sự lo lắng trong học tập	20	66,7
Tính cách của người học	18	60
Động cơ học tập	5	16,7

Khi có học sinh gặp phải vấn đề về tâm lý, giáo viên thường phát hiện dựa vào kinh nghiệm của mình (60%), 50% giáo viên phát hiện dựa vào thói quen quan sát lớp học và số ít giáo viên không phát hiện ra vấn đề về tâm lý người học cho đến khi tự bản thân học sinh bộc phát ra (10%) (bảng 2).

Bảng 2. Cách thức giáo viên phát hiện ra những học sinh đang gặp phải các vấn đề về tâm lý

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Dựa vào kinh nghiệm của bản thân	18	60
Dựa vào thói quen quan sát lớp học	15	50
Không phát hiện được	3	10

Đối với những học sinh gặp bị ảnh hưởng bởi cảm xúc, gần 70% giáo viên cho rằng, kỹ năng nói/biểu đạt của các em bị ảnh hưởng nhiều nhất, tiếp theo là các kỹ năng viết (56,7%), nghe (40%) và đọc (26,7%). Có thể nói, nhân tố cảm xúc đã ảnh hưởng tới toàn bộ các kỹ năng ngôn ngữ của người học, trong đó giáo viên nhận định, kỹ năng bị ảnh hưởng nhiều nhất là kỹ năng nói (Bảng 3).

Bảng 3. Kết quả khảo sát giáo viên dạy tiếng Hán về Ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc đối với các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết

Kỹ năng giao tiếp	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nói	21	70
Viết	17	56,7
Nghe	12	40
Đọc	8	26,7

Biện pháp xử lý thường gặp của giáo viên là gặp riêng các em nói chuyện, tháo gỡ khúc mắc về tâm lý (76%), 53% giáo viên tạo các hoạt động tích cực khuyến khích các em tham gia và thể hiện mình như tham gia thảo luận nhóm, bài tập nhóm hoặc các hoạt động ngoại khóa, khoảng 33,3% giáo viên nhờ sự hỗ trợ của các bạn khác trong lớp. Chỉ có một số ít giáo viên không can thiệp để học sinh tự mình điều chỉnh những trở ngại về tâm lý (16,7%).

Bảng 4. Kết quả khảo sát giáo viên dạy tiếng Hán về *Các biện pháp hỗ trợ khi các em gặp vấn đề do các yếu tố cảm xúc gây ra*

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nói chuyện, tâm sự tháo gỡ khúc mắc về tâm lí	23	76,7
Tạo các hoạt động tập thể để các em tham gia	16	53,3
Nhờ sự hỗ trợ của học sinh khác	10	33,3
Đề người học tự điều chỉnh	5	16,7

2.5.2. *Kết quả khảo sát học sinh học tiếng Hán*

Thông tin cá nhân của học sinh tham gia khảo sát

Kết quả khảo sát cho thấy, có 77,8% học sinh người Nhật, 64,8% học sinh người Mĩ, học sinh từ các quốc gia Châu Âu chiếm 55.6%, Hàn Quốc chiếm 44.4% và 31,5% học sinh các nước Đông Nam Á với phân bố tuổi tác từ 16-22 tuổi chiếm tới 50%, 22-30 tuổi chiếm 40%, học sinh nam giới 29% và học sinh nữ chiếm 71% (tham khảo bảng 5).

Bảng 5. Kết quả khảo sát về *Quốc tịch và ảnh hưởng của xung đột văn hoá đối với việc học tiếng Hán của học sinh*

Quốc tịch	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nhật Bản	42	77,8	16	29,6
Hàn Quốc	24	44,4	7	13,0
Mĩ	35	64,8	5	9,3
Các nước Châu Âu	30	55,6	10	18,5
Các nước Đông Nam Á	17	31,5	16	29,6

Kết quả khảo sát cho thấy, học sinh đến Đài Loan học tiếng Hán đến từ nhiều quốc gia khác nhau. Sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, thói quen và môi trường sống đều có ảnh hưởng

đến sự thành công trong việc học ngôn ngữ của họ. Sự xung đột văn hóa là điều các em thường xuyên gặp phải cũng như phải đối mặt tìm cách giải quyết. Điều đáng chú ý là xung đột văn hóa ở đây không chỉ là xung đột nền văn hóa tiếng mẹ đẻ với nền văn hóa ngôn ngữ đích mà còn bao gồm cả xung đột giữa các nền văn hóa của học sinh đến từ các quốc gia khác nhau. Kết quả khảo sát cho thấy, học sinh Nhật và học sinh đến từ các nước Đông Nam Á thường bị ảnh hưởng của xung đột văn hóa nhất (tỉ lệ xấp xỉ 30%), học sinh đến từ các nước Châu Âu cũng bị ảnh hưởng với tỉ lệ là 18,5%. Mặc dù đều là các quốc gia thuộc vùng Đông Bắc Á nhưng học sinh đến từ Hàn Quốc lại ít bị ảnh hưởng nhiều hơn là học sinh đến từ Nhật và các nước Đông Nam Á (tỉ lệ là 13%) (tham khảo bảng 5).

Mục đích đến Đài Loan học tiếng Hán của các em rất đa dạng, trong đó 66% học sinh đến Đài Loan với mục đích học tập, 40% học sinh đến Đài Loan để kiếm tiền dưới danh nghĩa học tiếng Hán, 14% học sinh đến học không có mục đích thật rõ ràng. Tuy vậy, tất cả học sinh tham gia khảo sát đều khẳng định, trong quá trình học tiếng Hán, các em bị ảnh hưởng của các nhân tố cảm xúc tương đối nhiều, bao gồm nguồn gốc quốc tịch, động cơ học và giới tính v.v...

Sự ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc đối với người học ngoại ngữ/ngôn ngữ thứ hai

Kết quả khảo sát cho thấy, có tới 81,5% học sinh cho rằng, trở ngại tâm lí lớn nhất là những khúc mắc về mặt tâm lí hoặc động cơ học tập của bản thân không rõ ràng hoặc không đúng. Theo số liệu khảo sát của chúng tôi, có tới hơn 60% học sinh đến Đài Loan với mục đích học tiếng Hán. Chính vì vậy, khi các em không đạt được mục tiêu đặt ra thì dễ nảy sinh cảm giác bất an hoặc lo lắng. Khi các em lo lắng vì học tập hay thi cử thì khả năng diễn đạt như nói và viết đều gặp vấn đề, diễn đạt không rõ ràng, thiếu lô gic, nói lắp bắp hoặc lí nhí (87%). Kỹ năng đọc và nghe cũng bị ảnh hưởng vì tâm lí không tập trung, phân tán tư tưởng (70,4%). Khi các em có tâm trạng

tốt hoặc tâm lí vững vàng thì nghe rất tốt và ngược lại (tham khảo bảng 6).

Bảng 6. Kết quả khảo sát học sinh về *Sự ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc đến các kĩ năng*

Kĩ năng giao tiếp	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nghe	33	61,1
Nói	47	87
Đọc	38	70,4
Viết	47	87

Kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ người học cho rằng nhân tố cảm xúc có ảnh hưởng tới các kĩ năng cao hơn tỉ lệ khảo sát nhóm giáo viên. Điều này càng khẳng định hơn nữa sự ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc đối với quá trình thụ đắc của người học.

Về sự hỗ trợ của giáo viên đối với học sinh trong lớp, kết quả khảo sát cho thấy, có tới 83,3% học sinh tham gia khảo sát cho rằng, sự tương tác giữa giáo viên và học sinh ở trên lớp khá ít. Sau giờ học trên lớp, phần lớn giáo viên và học sinh đều không có tương tác. Cá biệt có 1 giáo viên giảng dạy gần 30 năm nhưng lại không phát hiện ra được trong lớp mình dạy có học sinh nào bị ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc hay không. Mỗi tương tác giữa người học và người học cũng khá mờ nhạt. Các em đứng giờ đến lớp học, tan học xong cũng không có nhiều hoạt động chung. Gần 78% học sinh đều không biết bạn mình làm gì sau khi tan học. Có thể thấy, việc ít tương tác giữa thầy và trò, trò và trò sẽ khiến cho việc hỗ trợ các em gặp vấn đề về tâm lí trở nên khó khăn hơn.

2.6. Thảo luận chung

秦乐娱 (2004) (Qin Yueyu) đã chỉ ra một số yếu tố sản sinh nhân tố cảm xúc, yếu tố trở ngại việc học ngôn ngữ của học sinh là môi trường văn hóa xã hội, thái độ, động cơ học, sự tự tin (self-confidence) và lo lắng (học tập và thi cử). Kết quả khảo sát giáo viên và học sinh học tiếng Hán tại Đài Loan đã khẳng định thêm những sự ảnh hưởng của yếu tố thuộc

phạm trù cảm xúc đối với việc tiếp nhận ngoại ngữ/ngôn ngữ thứ hai của người học với mức độ khác nhau, trong đó kĩ năng bị ảnh hưởng nhiều nhất là kĩ năng nói/biểu đạt, tiếp theo là kĩ năng nghe và kĩ năng đọc, viết.

Điều này có thể lí giải được lí do tại sao có tới 87% học sinh cho rằng trở ngại tâm lí có ảnh hưởng nhiều đến kĩ năng nói của các em. Sở dĩ học sinh gặp phải vấn đề này vì các em bị thiếu sự tự tin và lo lắng trong học tập cũng như thi cử. “Khi học sinh đánh giá về bản thân mình cao thì cảm giác lo lắng ít, và ngược lại, những học sinh đánh giá về bản thân mình thấp thì cảm giác lo lắng sẽ cao. Cảm giác lo lắng này sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến việc học tiếng Hán của học sinh, chủ yếu thể hiện ở kĩ năng nói (biểu đạt) kém” (钱玉莲, 2002) (Qian Yulian). Đối với những học sinh thiếu tự tin, các em thường hay có cảm giác lo sợ, rụt rè, thường không dám đưa ra quyết định táo bạo cho bản thân mình, ít kì vọng vào thành công và thường ít khi dám thể hiện hoặc phát biểu ý kiến trên lớp học cũng như trước đám đông. Đặc biệt khi thi cử, em bị lo lắng và áp lực về điểm số đến mức không thể tư duy được, có cảm giác khó thở và sợ hãi. Robert Reasoner cho rằng, chúng ta cần phải xây dựng sự tự tin của người học, phải công nhận cá tính riêng của mỗi cá nhân, đồng thời phải tôn trọng quyền lợi và cảm xúc của mỗi người (dẫn theo 项茂英, 2003) (Xiang Maoying). Do vậy giáo viên cần chú ý quan sát lời nói, cử chỉ, hành động của học sinh, phát hiện kịp thời các yếu tố tâm lí bất lợi để tìm cách giúp đỡ các em khắc phục. Giáo viên cần phải đồng hành với học sinh của mình, khích lệ các em tích cực tham gia học hỏi, tránh phê bình tiêu cực và trực tiếp, tôn trọng yếu tố tâm lí của người học. Giúp học sinh tạo dựng lòng tin vào bản thân mình cũng là điều mà giáo viên cần đặc biệt chú ý. “Không có sự tự tin cần thiết, mọi cố gắng trong học tập/tri nhận hoặc chế ngự cảm xúc đều không có kết quả tốt” 秦乐娱 (2004) (Qin Yueyu).

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, sự ảnh

hưởng của nhân tố cảm xúc tác động lên tất cả học sinh, không phân biệt giới tính cũng như quốc tịch, tuy nhiên mức độ có khác nhau. 金兰(1996) (Jin Lan) cho rằng, người phương Tây đặc biệt sùng bái sự phấn đấu của cá nhân, sự tự tin, đặc biệt khích lệ sự cạnh tranh và mạo hiểm; người phương Đông lại quan tâm đến lễ nghĩa, coi trọng sự khác biệt tuổi tác và phân quyền, khích lệ tính khiêm tốn, nhường nhịn của cá nhân. Sự khác biệt về văn hóa đã ảnh hưởng đến tính cách, tôn chỉ xã hội của học sinh. Điều đó có thể lí giải cho việc, học sinh có quốc tịch khác nhau sẽ có sự khác biệt rõ rệt trong việc theo đuổi mục tiêu học tiếng Hán và biểu hiện trên lớp học. Trong khảo sát giáo viên và học viên của chúng tôi, học sinh người Nhật thường gặp phải vấn đề lo lắng trong học tập, các em khó hòa nhập với thầy cô và các bạn trong lớp. (钱玉莲, 2002) (Qian Yulian) đã từng bàn luận về vấn đề này. Ông nhận định, “yếu tố lo lắng có liên quan mật thiết đến quốc tịch và sự tự đánh giá về bản thân. Nhìn chung, học sinh người Nhật Bản và Hàn Quốc thường hay có cảm giác lo lắng hơn học sinh người Mĩ.” Kết quả nghiên cứu của (钱玉莲, 2002) (Qian Yulian) hoàn toàn phù hợp với kết quả khảo sát của chúng tôi khi kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ học sinh Nhật Bản có trở ngại tâm lí cao nhất. Các em ít tiếp xúc với các bạn trong lớp, ít chủ động tranh luận với các bạn. Khi biểu đạt bằng tiếng Hán ở trên lớp, các em rất lo sợ mỗi khi nói sai hoặc diễn đạt lưu loát. Học sinh Việt Nam cũng là đối tượng dễ gặp phải vấn đề về trở ngại tâm lí. Các em sang Đài Loan học tiếng Hán với mục đích rất rõ ràng. Vì thế, đôi khi vô hình chung các em cũng tự gây ra áp lực cho mình. Điều đáng chú ý ở đây là, không như dự đoán của chúng tôi là học sinh nữ hay gặp phải vấn đề xúc cảm hơn học sinh nam mà học sinh nam cũng như học sinh nữ đều gặp phải vấn đề này với mức độ tương đương như nhau. Có học sinh nam vì luôn đặt kì vọng cao vào bản thân mình nên mỗi khi được gọi lên phát biểu

đều rất lo lắng khiến cho em luôn bị nói đứt đoạn, không liền mạch hoặc thiếu lô gic. Bản thân em cũng đã nhận ra điều đó nhưng chưa tìm được cách khắc phục một cách triệt để. Các em đều rất quan tâm đến điểm số mỗi bài kiểm tra thường xuyên và cuối mỗi khóa học, vì đây là minh chứng để khẳng định trình độ và sự cố gắng của các em. Chính vì thế, mỗi khi kết quả thi kém hoặc không được như ý, các em bắt đầu hoài nghi vào khả năng của mình và mất dần sự tự tin vốn có.

Những học sinh gặp phải vấn đề về nhân tố cảm xúc thường ít khi nhận ra mình đang gặp phải, hoặc nếu có nhận ra thì cũng rất mơ hồ hoặc khá muộn. Vì thế, hơn ai hết các em cần sự quan tâm sâu sát của giáo viên giúp các em nhận ra vấn đề để có thể đối mặt với nó và tìm cách giải quyết. Có thể nói, vấn đề phát hiện và tìm biện pháp hỗ trợ về mặt tâm lí cho học sinh đa phần dựa vào kinh nghiệm và sự quan sát của giáo viên. Nhưng kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy, mối quan hệ tương tác giữa thầy-trò và trò-trò đều không chưa thực sự lí tưởng. Sau thời gian học xong trên lớp, các em lên thư viện học, tham gia các hoạt động nhóm, cũng có một bộ phận học viên đi ra ngoài làm thêm. Giáo viên không có quá nhiều cơ hội tiếp xúc với người học để quan sát phát hiện vấn đề mà các em đang gặp phải.

Tổng hợp với các tài liệu nghiên cứu trước cũng như kết quả khảo sát, chúng ta càng thêm có nhiều chứng cứ kiểm chứng “Giả thuyết Màng lọc Cảm xúc” của Krashen (1982) và khẳng định sự ảnh hưởng của nó đối với việc tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai. Nguyên nhân sản sinh ra các yếu tố này có thể đến từ môi trường học hoặc đến từ chính yếu tố người học như thái độ học, động cơ học và sự lo lắng v.v... Để khắc phục được trở ngại này của học sinh, cần có sự cố gắng vượt bậc của chính học sinh và của giáo viên. Sau đây là một số kiến nghị cụ thể của chúng tôi:

- Xây dựng động cơ học tập đúng đắn cho học sinh bởi động cơ học tập, thái độ học tập và mục đích học có liên quan trực tiếp với

nhau. Trong đó động cơ học tập có thể chia thành hai loại: (1) Động cơ học tập rõ ràng; (2) Không có động cơ học tập hoặc động cơ học tập không rõ ràng. Đối với những học sinh thuộc dạng thứ nhất, khi các em có động cơ học tập rõ ràng thì phần lớn các em sẽ có thái độ học tập đúng đắn, từ đó khiến các em dám đối mặt với sự thực và khắc phục khó khăn bằng thái độ tích cực, có được thành tích học tập tốt. Đối với học sinh có không có mục đích rõ ràng hoặc không có mục đích học thì việc học chỉ là để đối phó với thi cử, chính vì vậy khi gặp các vấn đề khó khăn, các em sẽ vô cùng lo sợ, và trở ngại tâm lý tức khắc sẽ xuất hiện. Phương pháp xử lý của giáo viên đối với những học sinh này cũng thật sự mềm dẻo và kiên trì.

- Giảm áp lực học hành, xây dựng môi trường học tập thoải mái, tăng thêm các hoạt động ngoại khóa. Có thể thấy áp lực bài vở và quan hệ với các bạn học cũng là gánh nặng cho học sinh, khiến cho các em lo lắng và căng thẳng. Chính vì thế, trách nhiệm của giáo viên chính là phải cải thiện không khí lớp học, môi trường học tập và quan hệ của học sinh trong lớp. Một môi trường học tập tốt là môi trường khiến cho người học cảm thấy tự tin, vui vẻ, thoải mái, để các em có cơ hội thể hiện bản thân mình và có khát khao tìm kiếm tri thức mới. Trong môi trường học tập như vậy, người học dễ dàng tiếp nhận tri thức mới, mạnh dạn thể hiện các kỹ năng ngôn ngữ của mình. Bên cạnh đó, giáo viên phải tăng cường các hoạt động ngoại khóa cho người học, để học sinh có thể hiểu thêm về văn hóa Trung Hoa, từ đó khơi dậy hứng thú cho người học.

- Xây dựng mối quan hệ lành mạnh, vừa có tính cạnh tranh vừa có khát khao tiến bộ của các chủ thể dạy – học. Để làm được điều đó, giáo viên trước tiên phải là bạn tốt của học sinh, xây dựng tốt quan hệ và tạo uy tín với học sinh. Chỉ khi xây dựng được mối quan hệ thầy – trò, trò – trò thân thiện, tin cậy và lành mạnh thì mới khiến cho không khí lớp học được phát triển theo chiều hướng tốt. Trong xã hội phương Đông, đặc biệt là một xã hội Nho giáo

thì trật tự “thầy ra thầy, trò ra trò” đôi khi bị cường điệu hóa. Rất nhiều giáo viên cố ý giữ khoảng cách nhất định với người học, khiến các em luôn bị cảm giác xa cách với giáo viên. Điều này là trở ngại cho giáo viên khi tiếp cận và giúp đỡ những học sinh cần hỗ trợ về mặt tâm lý.

- Giáo viên cần chuẩn bị bài thật tốt trước khi lên lớp. Trên lớp học, phương pháp dạy học đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình nhận thức của học sinh. Chính vì vậy, giáo viên trước khi lên lớp phải tìm hiểu chương trình môn học, bao gồm tiến độ lên lớp, lượng bài tập, kiểm tra đánh giá và yêu cầu đầu ra, v.v... Nội dung và phương pháp dạy học phải liên thông với nhau, tiến độ lên lớp và lượng bài tập cũng như mục tiêu cần phải đạt được phải được bố trí phù hợp với từng đối tượng học bởi kế hoạch và thời gian gấp gáp hoặc không khoa học sẽ tăng áp lực cho người học, áp lực cũng rất dễ khiến người học nảy sinh cảm giác lo lắng, khiến hiệu quả học tập bị giảm xuống nhiều.

- Tạo hứng thú cho người học và giảm bớt áp lực thi cử. Tạo hứng thú cho người học, hướng sự chú ý của người học vào giờ học trên lớp là trách nhiệm của giáo viên. Tuy nhiên, phương pháp cụ thể của mỗi giáo viên lại khác nhau, tuy nhiên mục đích cuối cùng chính là làm cho người học cảm nhận được nét đẹp của tiếng Hán. Điều đó yêu cầu giáo viên phải thật đầu tư cho công việc của mình, truyền niềm đam mê và hứng thú đối với tiếng Hán cho học sinh. Ngoài ra, giáo viên phải thu hẹp khoảng cách giữa tri thức học ở trên lớp và thực tế giao tiếp ngoài xã hội, để cho việc học mang tính thực tiễn cao. Hón ai hết, giáo viên phải là người biết khẳng định vai trò của người học, cho các em biết được sự cố gắng và thành tích của mình đã được công nhận. “Em là một học sinh tốt!”, “Em nhất định có thể học tốt tiếng Hán!”, “Em đang học tập rất tiến bộ!”, v.v... Những thông điệp này cần được truyền tải đến người học, tạo lòng tin trong học tập, giảm bớt lo lắng, tạo hứng thú trong học tiếng Hán của học sinh, nhất là với học sinh vừa

bắt đầu tiếp xúc với tiếng Hán. Bên cạnh đó, thành tích học tập của người học được xác định thông qua thi cử. Để giảm tới thiểu cảm giác lo lắng, căng thẳng khi thi cử, học sinh cần chuẩn bị tốt trước khi thi. Bên cạnh đó, giáo viên cũng cần cho học sinh cơ hội giảm bớt áp lực thi cử như cho các em đủ thời gian để ôn tập, xác định nội dung và phạm vi thi cụ thể, có thể tham gia nhiều cơ hội thi khác nhau đối với các em có thành tích thi không như ý.

- Giáo viên cần phải hiểu được ưu, nhược điểm của mỗi người học, luôn quan sát và phát hiện tiến bộ nhỏ nhất của người học để từ đó biểu dương các em một cách kịp thời. Rất nhiều học sinh khá tự ti khi biểu đạt bằng tiếng Hán, hoặc tính cách hướng nội hay ngượng ngùng, e ngại nói sai sẽ bị các bạn khác trêu đùa, hoặc sợ khi nghe đánh giá không tốt của người khác về mình. Khi đó nếu nhận được khích lệ của giáo viên, học sinh sẽ củng cố được lòng tin, từ đó dần dần khắc phục được trở ngại về tâm lí của mình.

- Một thông điệp của nhóm giáo viên tham gia khảo sát gửi tới chúng tôi là giáo viên phải là người giữ cân cân bằng trong đối xử, không nên vì sự khác nhau về giới tính, dân tộc, quốc tịch, tình trạng kinh tế hoặc mục đích học khác nhau mà có cách đối xử không bình đẳng. Trên lớp học, giáo viên tạo không khí cạnh tranh lành mạnh. Học sinh đến từ các quốc gia khác nhau, nguồn gốc xuất thân, ngôn ngữ, phong tục tập quán cũng không giống nhau nên tính cách cũng sẽ có sự khác biệt. Họ cần sự quan tâm, ủng hộ và giúp đỡ của người khác. Giáo viên khi đó không chỉ là người truyền bá tri thức mà trước tiên phải là người yêu quý, tôn trọng học sinh, đứng trên cùng chiến tuyến với người học. Bên cạnh việc tạo không khí lớp học hài hòa và “có cảm giác tâm lí an toàn”, giáo viên cần đặc biệt chú ý cải tiến phương pháp dạy học, đặc biệt chú ý đến hình thức tổ chức lớp học, tạo các nhóm học thành công giúp học sinh loại bỏ yếu tố phiền não. Không khí học tập tích cực và hỗ trợ lẫn nhau sẽ tăng

cường lòng tự tin cho học sinh, từ đó nâng cao hiệu quả học tập cho người học.

- Khắc phục yếu tố tâm lí với hiện tượng quên mặt chữ Hán. Đối với học sinh học tiếng Hán ở giai đoạn sơ trung cấp, chữ Hán là một khó khăn lớn đối với các em, đặc biệt là hiện tượng quên chữ Hán. Có học sinh rất chăm chỉ luyện viết chữ, ngoài việc học trên lớp ra về nhà còn luyện đi luyện lại, kết quả hôm sau đến lớp vẫn bị quên cách viết chữ hoặc không nhớ mặt chữ. Điều này khiến các em không thể không hoài nghi về khả năng học ngoại ngữ của mình, bao gồm cả khả năng ghi nhớ. Các em dần dần có cảm giác e ngại khi phải viết chính tả phần từ mới bởi hiện tượng quên mặt chữ. Đây cũng chính là lí do chủ quan khiến cảm giác lo sợ của các em càng ngày tăng cao. Đặc điểm này khiến cho việc học tiếng Hán của học sinh khác so với học sinh học ngôn ngữ khác, bởi học sinh học ngôn ngữ khác không phải đối mặt với vấn đề nhớ mặt chữ. Chính vì vậy, giáo viên tiếng Hán cần chú ý quan sát và khắc phục kịp thời những khó khăn do chữ Hán mang lại.

3. Kết luận

Quá trình thụ đắc ngôn ngữ của người học là một quá trình tri nhận phức tạp, trong đó bao gồm nhiều hoạt động tâm lí và sinh lí phức tạp. Kết quả khảo sát của chúng tôi đã khẳng định được ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc đến quá trình tiếp nhận và biểu đạt ngôn ngữ, trong đó kĩ năng nói và viết chịu ảnh hưởng nhiều hơn kĩ năng nghe và đọc. Yếu tố tâm lí ảnh hưởng đến người học nhiều nhất là sự lo lắng trong học tập và tính cách người học. Đối với học sinh đến từ Nhật Bản hay các quốc gia Đông Nam Á, nhân tố cảm xúc tác động đến các em nhiều hơn học sinh đến từ các nước Châu Âu hay Mỹ. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng có những điểm khác với giả thuyết nghiên cứu mà chúng tôi đưa ra, đó là trong quá trình tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai, người học bất kể là nam hay nữ đều bị ảnh hưởng bởi các nhân tố cảm xúc và mức độ ảnh hưởng là như nhau, khác với giả thuyết nghiên cứu là học sinh nữ thường bị ảnh hưởng nhiều hơn học sinh nam. Giáo viên chính

là tác nhân quan trọng trong việc khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của yếu tố cảm xúc tác động đến người học. Chính vì vậy, trong quá trình giảng dạy, giáo viên chú ý kích thích động cơ, hứng thú, ý chí, v.v... học ngôn ngữ của người học, bồi dưỡng tinh thần phấn đấu học hỏi, thực sự cầu thị của học sinh, giúp các em xây dựng ý chí học hỏi và quyết tâm học tập bền vững. Môi trường ngôn ngữ lành mạnh và hài hòa có vai trò là nhà tâm lý học tích cực, giảm bớt tối đa ảnh hưởng của nhân tố cảm xúc. Nếu làm được điều này thì việc học ngôn ngữ của học sinh sẽ giảm bớt khó khăn đi rất nhiều.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Anh

- Arnold & Jane. (2000). *Affect in language learning*. Beijing: Foreign Language Teaching and Research Press.
- Brown, D. H. (1994). *Principles of language learning and teaching*. London: Prentice Hall Regents.
- Kim, J. H. (2000). *Foreign language listening anxiety: A study of Korean students learning English*. The University of Texas. Austin: Unpublished doctoral dissertation.
- Krashen, S. (1982). *Principles and Practice in Second Language Acquisition*. Oxford: Pergamon.
- Krashen, S. (1985). *The Input Hypothesis: Issues and Implications*. London: Longman.

Tiếng Trung Quốc

- 戴曼纯 (2000). “感情因素及其界定—读J.Arnold (ed)” 《语言学习中的情感因素》, 外语教学与研究, 第六期
- 桂诗春 (2002). 《新编心理语言学》上海外语教育出版社
- 金兰 (1996). “学生情感与课堂学习” 《对外汉语教学法研究》 北京大学出版社
- 李哲 (2000). “第一语言习得和第二语言习得比较研究” 《外语与外语教学》第六期
- 梁兆兵 (1998). “心理语言学与中文教学” 《世界华文语文教学研讨会论文集 (第一届教材语法组)》
- 吕明臣 (1998). “汉语情感指向和感叹词” 《汉语学习》第六期
- 钱玉莲 (2002). “留学生学习汉语时的焦虑及其教学策略” 《新世界 新视野 华东地区对外汉语教学研究论文集》
- 秦乐娱 (2004). “情感因素在第二语言习得中的影响” 《中南大学学报 (社会科学版)》第二期
- 吴丁娥 (2000). “外语教学与外语习得中的“输入”及“情感障碍” 《外语与外语教学》第六期
- 吴雪云 (1997). “影响第二语言习得的情感因素” 《外语电话教学》第四期
- 洗吉昌 (1999). “情感智力与语言学习” 《外语与外语教学》第九期
- 项茂英 (2003). “感情因素对大学应予教学的影响——理论与实证研究” 《外语与外语教学》第三期
- 朱立元 (2002). “对外汉语教学中心理学因素” 《新世界 新视野 华东地区对外汉语教学研究论文集》

NEGATIVE IMPACTS OF AFFECTIVE FACTORS ON LANGUAGE LEARNERS AND IMPLICATIONS FOR IMPROVEMENT

Tran Thi Kim Loan

*Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University and Languages and International
Studies, Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Through a survey using questionnaires given to 36 teachers and 67 students of Chinese in Taiwan, we investigate the impacts of affective factors on language learners. The survey result shows that affective factors exert negative impacts on learners at different levels; speaking and writing are much more affected than listening and reading; Oriental students are much more affected than Western ones; and teachers play an important role in reducing the negative impacts of these factors. Also, the right learning purposes, the reduction in pressure from examinations, friendly learning environment, fair learning competitiveness, etc., will help protect learners from the negative impacts of affective factors, and subsequently improve the quality and effectiveness of foreign language teaching and learning.

Keywords: affective factors, foreign language teaching, impact